

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAO ĐÀI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAO ĐÀI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAO DAI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MAO DAI VN ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108255726

**3. Ngày thành lập:** 03/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, Lô C7, Khu đô thị Lê Trọng Tấn – Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4781     |
| 2.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5630     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 5.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2011     |
| 6.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2012     |
| 7.  | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp<br>- Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ;<br>- Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây                                                                                                                                                                  | 2021     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất Nhà nước cấm)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2610        |
| 10. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2620        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2640        |
| 12. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4724        |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741        |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5629        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 18. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                                                                                     | 4632        |
| 19. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn<br>Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633(Chính) |
| 20. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4634        |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711        |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác<br>- Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn. | 4723        |

|     |                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |
| 24. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                  | 0891 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN XUÂN MẠNH  | Tổ 40, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 45,000    | B7018122                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 45,000    |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI THỊ MINH HẰNG | Tổ 29, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    | C4660372                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN CAO CUỒNG  | Tổ 40, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 70.000     | 700.000.000           | 35,000    | 151214971                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 70.000     | 700.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/06/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B7018122

Ngày cấp: 27/08/2012

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 40, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10, ngách 10, ngõ 45 phố Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội